

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**
Bản án số: 25/2025/HS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.
2. Ông Nguyễn Duy Tuấn.
3. Ông Phan Bội Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2025/TLST-HS ngày 13/02/2025; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Vũ T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân H, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị Thanh L (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị T1 (đã ly hôn); Có 02 con chung (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định: Ông Vũ Văn S, Luật sư văn phòng L2, thuộc đoàn luật sư tỉnh T. Có mặt phần thủ tục sau đó gửi bản luận cứ và xin vắng mặt.

**** Bị hại:*** CÔNG TY CỔ PHẦN T9.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H1.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H2, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm K1. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Đức T2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Dương Mạnh C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Chị Lục Thị T3, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Tổ G, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

3. Chị Lê Ngọc T4, sinh năm 1987; Địa chỉ: xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Tạm trú: xóm N, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

4. Chị Đào Ngọc Á, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ G, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Tạm trú: xóm C, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị S1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Ô, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

9. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

6. Anh Bùi Đình T5, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp S đưa, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1994; Địa chỉ: xóm F, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Cao Đăng K, sinh năm 1998; Địa chỉ: 3 Đường P, phường C, quận H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

9. Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

10. Anh Trương Xuân B, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số I, ngõ H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

11. Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1987; Địa chỉ: TDP T, Thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

12. Anh Nguyễn Tiến Đ1, sinh năm 1991; Địa chỉ: T, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

13. Anh Ngô Văn L1, sinh năm 1996; Địa chỉ: T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở: L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Vũ T là nhân viên cửa hàng điện thoại G (địa chỉ tại số nhà B, đường H, TP T) do anh Nguyễn Đức T6, (sinh năm 1990, trú tại tổ B, phường Đ, thành phố T) làm chủ. Ngoài sửa chữa điện thoại thì T thỉnh thoảng được anh T6 nhờ đến Văn phòng chuyển phát nhanh của Công ty Cổ phần T9 (viết tắt: Công ty CP T9) địa chỉ tại số B, đường H, thuộc tổ A, phường Q, thành phố T để nhận hàng. Do T được anh T6 nhiều lần nhờ đến Công ty CP T9 nhận hàng hộ, nên biết quy luật khi nhận hàng chỉ cần đọc số điện thoại, tên trên kiện hàng và thanh toán tiền cước phí sẽ được nhận lại hàng.

Do nợ tiền của nhiều người nhưng không có tiền trả nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là kiện hàng (*điện thoại*) của anh T6 đặt mua từ nơi khác gửi về để bán lấy tiền trả nợ. Được biết ngày 04/6/2024 anh T6 có kiện hàng được gửi từ Văn phòng chuyển phát của Công ty CP T9, địa chỉ tại số B, đường N, Quận T, TP Hà Nội về Văn phòng chuyển phát Công ty CP T9, địa chỉ tại số B, đường H thuộc tổ A, phường Q, TP T cho anh T6. (*Kiện hàng gồm: 90 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone cũ, gồm: 17 chiếc Iphone 14Pro, 72 chiếc Iphone 12 Promax, 01 chiếc Iphone 13*). Nên vào hồi 18 giờ 11 phút ngày 04/6/2024 T sử dụng số thuê bao 0839.410.941 (sim rác) gọi điện vào số 19000092 tổng đài chuyển phát của Công ty CP T9 và T9, để hỏi anh T6 có hàng gửi về không, lúc này chị Đào Ngọc Á (sinh năm 1993, trú tại tổ G, phường C, TP .) là nhân viên trực tổng đài nghe máy, T hỏi "*Em kiểm tra cho số điện thoại người nhận này với 0986.777.444, T6*", trưởng chủ kiện hàng hỏi, sau khi kiểm tra thông tin khách hàng trên hệ thống phần mềm của Công ty thấy có 01 đơn hàng trùng khớp, chị Á đã trả lời là "*Ông T6 có 01 đơn hàng đang trên xe di chuyển về*", T hỏi tiếp là "*Mấy giờ về đến nơi em nhỉ?*", chị Á kiểm tra định vị xe ô tô, ước lượng thời gian và trả lời "*Đơn hàng của ông dự kiến khoảng 7 giờ (tức 19 giờ) về đến Văn phòng*". Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày T tiếp tục sử dụng điện thoại di động trên gọi điện vào số 19000092 tổng đài, lúc này chị Phạm Thị Minh T7 (sinh năm 1993, trú tại xóm G, xã S, TP T, tỉnh Thái Nguyên) là nhân viên trực tổng đài nghe máy, T hỏi "*Em ơi! Kiểm tra cho anh số người nhận này với, số điện thoại là 0986.777.444, của nhà T6*", trưởng chủ kiện hàng hỏi, chị T7 kiểm tra thông tin trên hệ thống phần mềm của Công ty thấy có 01 đơn hàng trùng khớp đã trả lời "*Có 01 đơn đang trên xe về đến Sông C, khoảng 30 phút nữa sẽ về đến Văn phòng số 236, đường H*", đồng thời T hỏi "*Em xem cho anh tiền cước hết bao nhiêu*", chị T7 thông báo là 65.000^d tiền cước cho T biết rồi tắt máy. Sau khi biết được thông tin T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20B2-614.67 đến bệnh viện Q gửi xe. Để tránh bị phát hiện, T vào nhà vệ sinh bệnh viện mặc thêm bên ngoài 01 áo sơ mi dài tay màu đen, đeo khẩu trang, đi ra cổng bệnh viện lên xe ôm do một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) điều khiển chở đến Văn phòng Công ty CP T9 tại số B, đường H, TP T. Khi đến nơi, T đi bộ vào trong Văn phòng gặp chị Lục Hà T8 (sinh năm 1983, hiện ở tổ G, phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên) là nhân viên. Sau khi gặp T nói "*Cho anh lấy hàng*", chị T8 yêu cầu cung cấp thông tin, T nói tên "*T6*", số điện thoại "*0986.777.444*", tưởng T là anh T6 - chủ kiện hàng, chị T8 đã kiểm tra thông tin đơn hàng trên phần mềm máy vi tính thấy có 01 đơn hàng trùng khớp với số điện thoại và tên ghi bên ngoài kiện hàng "*0986.777.444; T6*" do T cung cấp nên đã thông báo cho anh Lê Ngọc T4 (sinh

năm 1987, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) là nhân viên trực cùng ca tìm kiện hàng được đóng bằng hộp giấy (carton) nặng 22 kilogam, kích thước khoảng (40 x 40 x 20)cm giao cho T, T nhận kiện hàng và lấy ra 01 tờ tiền mệnh giá 100.000^d đưa chị T8 để trả tiền phí cước là 65.000^d. T cầm lại thừa tiền rồi bê kiện hàng lên xe ôm đi về bến xe khách Thái Nguyên. Đến bến xe T xuống xe rồi đi xe taxi đến ngã tư đèn xanh đèn đỏ gần trường Đại học C1 thì xuống xe, bê kiện hàng chiếm đoạt được vào quán nước gần đó gửi. Sau đó, T đi xe ôm quay lại Bệnh viện Q lấy xe và điều khiển xe quay lại quán nước lấy kiện hàng mang về cất giấu.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh T6 đến Văn phòng Công ty CP T9 để nhận kiện hàng. Đến nơi được nhân viên Văn phòng cho biết là kiện hàng đã được giao. Xem lại hình ảnh camera an ninh của Văn phòng, anh T6 và nhân viên Văn phòng Công ty CP T9 và T9 nhìn hình ảnh xác định người lấy kiện hàng là Trần Vũ T, anh T6 điện thoại báo T lên Văn phòng của Công ty CP T9 và T9 nhưng T không lên. Sau đó, sự việc được trình báo đến Cơ quan Công an.

Ngày 05/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an T triệu tập T đến làm việc, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và đã tự nguyện giao nộp kiện hàng cho Cơ quan Công an. Ngay sau đó Cơ quan CSĐT Công an T cùng T mở kiểm tra kiện hàng bên trong đựng 90 chiếc điện thoại di động, gồm: 72 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, 17 chiếc Iphone 14 pro, 01 Iphone 13.

Tại Bản kết luận giám định giá tài sản số 100/KL-HĐĐGTS, ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: **90** chiếc điện thoại di động Iphone Trần Vũ T chiếm đoạt ngày 04/6/2024 giá trị 985.000.000^d.

Nguồn gốc số điện nêu trên anh T6 khai đặt mua của bà Lương Thị H5 (sinh năm 1990, trú tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) do quen trên mạng xã hội (là người mua gom điện thoại cũ tại các cửa hàng tại nhiều tỉnh thành trong nước rồi bán lại cho ông T6), giá thỏa thuận 16.000.000đ/1chiếc Iphone 14Pro, 11.300.000đ/1chiếc Iphone 12 Promax, 9.800.000đ/1chiếc Iphone 13, tổng tiền là 1.095.400.000đ ông T6 đã trả trước cho bà H5 số tiền là 800.000.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiếp nhận tạm giữ đồ vật, tài liệu, gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 1: 353101106124927, số IMEI 2: 353101106061699, bên trong lắp sim số thuê bao 0919.879.885 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu trắng, số IMEI khe sim: 355716073427249, bên trong lắp thẻ sim mobifone, trên sim có dãy số 8401220312188949 của Trần Vũ T giao nộp

- 90 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (gồm: 72 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 17 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13) là vật chứng của vụ án, do Trần Vũ T giao nộp.

- 40 Hóa đơn bán hàng của các cửa hàng đã bán 90 chiếc điện thoại di động do ông Nguyễn Đức T6 giao nộp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 promax, màu xanh, dung lượng 256GB, số IMEI 1: 356303485649360, số IMEI2: 356303488861301, bên trong lắp sim số thuê bao 0986.777.444 và 01 USB nhãn hiệu Kington chứa hình ảnh một nam thanh niên bên một thùng (carton) do ông Nguyễn Đức T6 giao nộp.

- 01 USB nhãn hiệu Transcend chứa dữ liệu 02 đoạn video của camera có thời lượng 01 giờ thời gian kể từ 19 giờ 18 phút 05 giây ngày 04/6/2024 và thời lượng 01 giờ thời gian kể từ 19 giờ 17 phút 55 giây ngày 04/6/2024 tại Văn phòng Công ty CP T9, địa chỉ tại số B, đường H thuộc tổ A, phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên do Công ty CP T9 giao nộp.

Ngày 01/12/2024, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 90 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (*gồm: 72 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 17 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13*) cho Công ty CP T9 và Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 promax, màu xanh số thuê bao 0986.777.444 cho anh Nguyễn Đức T6 là chủ sở hữu hợp pháp quản lý.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 12/02/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Vũ T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vũ T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (anh T6) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Qua phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Trần Vũ T từ **13 đến 14** năm tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được hoàn trả đầy đủ cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phần tranh luận:

Quan điểm của luật sư Vũ Văn S bào chữa cho bị cáo: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Song đây là hành vi lợi dụng việc giao, nhận hàng giữa Công ty CP T9 và D cho chủ hàng để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo không đưa ra thông tin giả khi nhận hàng và bản thân bị cáo cũng nhiều lần được anh T6 là chủ tài sản giao đi nhận hàng thay. Do vậy, đây là hành vi có dấu hiệu của tội: Trộm cắp tài sản. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm

nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ **10 - 11** năm tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Bị cáo nhất trí như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Hành vi dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, nên giữ nguyên tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo T sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích và giải thích pháp luật, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đã nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thừa nhận hành vi của bị cáo như đã truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Một số người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên. Xét thấy, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những người làm chứng nên sự vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Trần Vũ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trần Vũ T là nhân viên cửa hàng điện thoại G (địa chỉ tại số nhà B, đường H, TP T) do anh Nguyễn Đức T6, (sinh năm 1990, trú tại tổ B, phường Đ, thành phố T) làm chủ. Do nợ tiền của nhiều người nhưng không có tiền trả nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/6/2024, tại Văn

phòng Công ty CP T9 địa chỉ tại số B, đường H thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý và khâu giao, trả hàng cho khách, Trần Vũ T đã có hành vi gian dối mạo danh là chủ kiện hàng (lô điện thoại di động) để chiếm đoạt kiện hàng, gồm: **90** chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone cũ (trong đó có: **17** chiếc Iphone 14Pro, **72** chiếc Iphone 12 Promax và **01** chiếc Iphone 13) của anh Nguyễn Đức T6 được đựng trong thùng (catton) mang về cất giấu chờ tiêu thụ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 985.000.000đ (*Chín trăm tám mươi lăm triệu đồng*), tại thời điểm định giá. Cụ thể:

+ Iphone 12 Promax dung lượng 256 GB, đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 10.000.000đ/1 chiếc x **72** chiếc = 720.000.000đ.

+ Iphone 13 dung lượng 128 GB, đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 10.000.000đ/1 chiếc x **01** chiếc = 10.000.000đ.

+ Iphone 14Pro dung lượng 128 GB, đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 15.000.000đ/1 chiếc x **17** chiếc = 255.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;”

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo T đưa ra nhiều thông tin gian dối để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với giá trị tiền rất lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của Công ty được pháp luật bảo vệ, gây mất niềm tin trong quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng tới tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị hại cũng có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, nhưng cũng phải đảm bảo đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Xét thấy ý kiến của luật sư Vũ Văn S bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa hôm nay là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 03/12/2024, Cơ quan CSĐT đã trả lại 90 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (gồm: 72 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 17 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13) cho Công ty CP T9 và T9 và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 promax, màu xanh số thuê bao 0986.777.444 cho anh Nguyễn Đức T6 là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với **90** chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (gồm: 72 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 17 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13) và **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 promax, màu xanh, dung lượng 256GB, số IMEI 1: 356303485649360, số IMEI2: 356303488861301, bên trong lắp sim số thuê bao 0986.777.444.

Ngày 03/12/2024, Cơ quan CSĐT đã trả lại **90** chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (gồm: 72 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, 17 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13) cho Công ty CP T9 và T9 và trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 promax, màu xanh số thuê bao 0986.777.444 cho anh Nguyễn Đức T6 là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 1: 353101106124927, số IMEI 2: 353101106061699, bên trong lắp sim số thuê bao 0919.879.885 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu trắng, số IMEI khe sim: 355716073427249, bên trong lắp thẻ sim mobifone, trên sim có dãy số 8401220312188949 của Trần Vũ T giao nộp. Tại CQĐT và tại phiên tòa, bị cáo xác định đã sử dụng 02 chiếc điện thoại trên vào việc phạm tội, xét cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 40 Hóa đơn bán hàng của các cửa hàng đã bán 90 chiếc điện thoại di động do ông Nguyễn Đức T6 giao nộp; 01 USB nhãn hiệu Transcend chứa dữ liệu 02 đoạn video của camera có thời lượng 01 giờ thời gian kể từ 19 giờ 18 phút 05 giây ngày 04/6/2024 và thời lượng 01 giờ thời gian kể từ 19 giờ 17 phút 55 giây ngày 04/6/2024 tại Văn phòng Công ty CP T9, địa chỉ tại số B, đường H thuộc tổ A, phường Q, TP T, tỉnh Thái Nguyên do Công ty CP T9 giao nộp. Xét cần chuyển lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các nội dung có liên quan khác: Trong vụ án này có Phạm Thị Minh T7, Đào Ngọc Á, Lục Hà T8 và Lê Ngọc T4 là nhân viên của Công ty CP T9 thực hiện nhiệm vụ theo quy trình được giao do công ty Đ2 ra, không biết T mạo danh là chủ tài sản đã cung cấp thông tin và đưa trả kiện hàng cho T, nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Vũ T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. *Hình phạt chính*: Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Trần Vũ T **13** (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Trần Vũ T 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.2 *Về hình phạt bổ sung*: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Các biện pháp tư pháp:

3.1. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, số IMEI 1: 353101106124927, số IMEI 2: 353101106061699, bên trong lắp sim số thuê bao 0919.879.885 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu trắng, số IMEI khe sim: 355716073427249, bên trong lắp thẻ sim mobifone, trên sim có dãy số 8401220312188949 của Trần Vũ T.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên số 41 ngày 11 tháng 2 năm 2025).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Vũ T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn